



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3476.1979>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Luyện¹ và Việt Phạm Diễm Kiều^{2*}

¹Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: vpdiemkieu84@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 30/5/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 09/6/2026; Ngày duyệt đăng: 01/7/2026

Tóm tắt

Giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở là nội dung quan trọng của giáo dục toàn diện, đặc biệt trong bối cảnh nhà trường phổ thông chuyển mạnh sang định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Nghiên cứu này khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tại ba trường trung học cơ sở ở phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở các thành tố: nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra - đánh giá, điều kiện bảo đảm và phối hợp các lực lượng giáo dục. Dữ liệu được thu thập từ 120 cán bộ quản lý, giáo viên và được bổ trợ bằng phỏng vấn sâu 6 cán bộ quản lý, 15 giáo viên. Bảng hỏi gồm 78 biến quan sát; số liệu được xử lý bằng tần suất, điểm trung bình, độ lệch chuẩn và thứ hạng. Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức được đánh giá ở mức khá, trong đó nhận thức về tầm quan trọng của quản lý đạt cao nhất. Một số hạn chế tập trung ở quản lý điều kiện phục vụ, kiểm tra - đánh giá dựa trên minh chứng đa chiều và tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với cộng đồng. Nghiên cứu góp phần làm rõ khoảng cách giữa nhận thức quản lý và điều kiện triển khai, từ đó gợi ý hàm ý quản lý theo hướng dữ liệu hóa, phối hợp liên lực lượng và tăng cường trải nghiệm thực tiễn cho học sinh.

Từ khóa: Giáo dục đạo đức, học sinh trung học cơ sở, quản lý giáo dục, thực trạng quản lý.

Trích dẫn: Võ, V. L., & Việt, P. D. K. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(03S), 208-223. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3476.1979>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT MANAGEMENT OF MORAL EDUCATION ACTIVITIES FOR LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN TAN SON NHI WARD, HO CHI MINH CITY

Vo Van Luyen¹ and Viet Pham Diem Kieu^{2*}

¹ Vinh Long Department of Education and Training, Vietnam

²Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

*Corresponding author, Email: vpdiemkieu84@gmail.com

Article history

Received: 30/5/2026; Received in revised form: 09/6/2026; Accepted: 01/7/2026

Abstract

Moral education for lower secondary school students is a fundamental component of holistic education, particularly in the context of the ongoing shift in general education toward developing students' qualities and competencies. This study investigates the current management of moral education activities at three lower secondary schools in Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City. It focused on the following dimensions: educational content, teaching methods, organizational forms, assessment practices, supporting conditions, and coordination among educational stakeholders. Data were collected from 120 school administrators and teachers and supplemented by in-depth interviews with six administrators and fifteen teachers. The questionnaire comprised 78 observed variables, and the data were analyzed using frequency analysis, mean scores, standard deviations, and rank ordering. The findings indicate that the management of moral education activities was evaluated at a relatively good level, with awareness of the importance of management receiving the highest rating. However, several management limitations were identified, including supporting conditions, the implementation of evidence-based and multi-source assessment practices, and the organization of community-based experiential activities. The study contributes to clarifying the gap between managerial awareness and implementation conditions and provides practical implications for strengthening data-informed management, enhancing collaboration among educational stakeholders, and promoting authentic experiential learning opportunities for students.

Keywords: *Educational management, lower secondary school students, management status, moral education.*

1. Giới thiệu

Trong truyền thống giáo dục Việt Nam, quan niệm “Tiên học lễ, hậu học văn” cho thấy đạo đức luôn được xem là nền tảng của quá trình hình thành nhân cách. Ở nhà trường phổ thông hiện nay, yêu cầu ấy không mất đi mà được đặt trong một bối cảnh mới: học sinh (HS) cần được trang bị tri thức, đồng thời phải được hình thành khả năng tự điều chỉnh hành vi, biết sống có trách nhiệm, tôn trọng người khác và ứng xử phù hợp trong các quan hệ xã hội. Vì vậy, giáo dục đạo đức (GDĐĐ) không chỉ là hoạt động nhắc nhở học sinh chấp hành nội quy, mà còn là quá trình tổ chức các tác động giáo dục có mục tiêu nhằm giúp các em chuyển hóa nhận thức thành thái độ, thói quen và hành vi bền vững.

Đối với HS cấp trung học cơ sở, nhiệm vụ này càng cần được quan tâm. Đây là lứa tuổi có nhiều biến đổi về tâm sinh lý, bắt đầu có nhu cầu khẳng định cái tôi, muốn được lắng nghe nhưng cũng dễ chịu ảnh hưởng từ bạn bè, mạng xã hội và môi trường sống. Trên thực tế, các biểu hiện như ứng xử thiếu chuẩn mực, thiếu kỹ năng kiểm soát cảm xúc, mâu thuẫn bạn bè, bắt nạt trực tuyến hoặc thờ ơ với trách nhiệm tập thể có thể xuất hiện nếu HS không được định hướng kịp thời. Do đó, GDĐĐ ở cấp trung học cơ sở cần được tổ chức thường xuyên, gắn gũi với đời sống HS và tránh lối giáo dục áp đặt một chiều.

Tổng quan nghiên cứu cho thấy quản lý hoạt động GDĐĐ là quá trình có mục tiêu, có kế hoạch và có cơ chế phối hợp. Ở bình diện quốc tế, chương trình Giáo dục nhân cách và công dân của Singapore nhấn mạnh cách tiếp cận toàn trường, tích hợp giáo dục giá trị vào dạy học, hoạt động trải nghiệm và môi trường học đường (Ministry of Education Singapore, 2021). Tang và Dai (2024) cho thấy tình huống lưỡng nan đạo đức có thể hỗ trợ tư duy bậc cao và năng lực phán đoán đạo đức; Mesurado và Resett (2025) gợi mở việc sử dụng can thiệp dựa trên nền tảng web để thúc đẩy giá trị đạo đức ở trẻ em.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về quản lý GDĐĐ cho HS trung học cơ sở đã được thực hiện tại nhiều địa phương như Vĩnh Thủy, Bình Minh, Đà Lạt và một số địa bàn khác (Lê, 2024; Phan & Đình, 2024; Trương, 2024). Các công trình này thống nhất ở nhận định: hiệu quả GDĐĐ phụ thuộc vào vai trò lãnh đạo của nhà trường, năng lực giáo viên (GV), sự phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội và công tác kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu mới dừng ở mô tả thực trạng theo điểm trung bình chung, chưa thể hiện rõ các biến quan sát cụ thể, chưa phân tích đầy đủ độ phân tán của dữ liệu, đồng thời chưa làm nổi bật khoảng cách giữa nhận thức quản lý và điều kiện triển khai trong bối cảnh đô thị chịu tác động mạnh của công nghệ số. Đây là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới bổ sung.

Về phương diện chính sách, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định định hướng đổi mới giáo dục theo hướng phát triển toàn diện người học, trong đó nhấn mạnh yêu cầu: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”. Định hướng này tiếp tục được khẳng định trong Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị (2024) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW trong giai đoạn mới, qua đó cho thấy yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là giáo dục phẩm chất, đạo đức, lối sống cho HS, vẫn là nhiệm vụ trọng tâm và lâu dài của nhà trường phổ thông.

Trên cơ sở đó, trong Điều 2, Luật Giáo dục, Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định mục tiêu giáo dục như sau: “Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2019). Đặc biệt, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

đã cụ thể hóa định hướng này khi xác định: “Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Vì vậy, GDĐĐ cho HS trung học cơ sở cần được lồng ghép trong dạy học, hoạt động trải nghiệm, công tác chủ nhiệm, sinh hoạt tập thể và đời sống nhà trường.

Cùng với các định hướng chung, Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030” đã đặt ra yêu cầu “tiếp tục tăng cường, tạo chuyển biến tích cực, toàn diện trong hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng” (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Bên cạnh đó, Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông là căn cứ quan trọng để nhà trường theo dõi, nhận xét và đánh giá quá trình rèn luyện của HS (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh là địa bàn đô thị có mật độ dân cư cao, thành phần dân cư đa dạng, hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển và HS có điều kiện tiếp cận nhanh với công nghệ, mạng xã hội. Bối cảnh này tạo thuận lợi cho việc huy động nguồn lực giáo dục, nhưng đồng thời làm cho quản lý GDĐĐ phức tạp hơn: nhà trường phải xử lý đồng thời yêu cầu duy trì nề nếp, phòng ngừa hành vi lệch chuẩn, hỗ trợ tâm lý lứa tuổi và định hướng ứng xử trên không gian số.

Từ những vấn đề nêu trên, bài báo tập trung phân tích thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS các trường trung học cơ sở ở phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh. Điểm bổ sung của nghiên cứu là xây dựng khung nghiên cứu, mô tả cấu trúc công cụ khảo sát, trình bày số lượng lựa chọn ở từng mức độ theo các tiêu chí quản lý, sử dụng độ lệch chuẩn để nhận diện mức độ phân tán ý kiến và bổ sung phần thảo luận đối chiếu với các nghiên cứu cùng hướng.

2. Cơ sở lý thuyết và khung nghiên cứu

Giáo dục đạo đức cho HS trung học cơ sở trong nghiên cứu này được hiểu là quá trình tác động có mục tiêu, có tổ chức của nhà trường và các lực lượng giáo dục nhằm giúp HS nhận thức chuẩn mực đạo đức, hình thành tình cảm - thái độ tích cực, rèn luyện hành vi phù hợp và phát triển các phẩm chất chủ yếu theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Cách hiểu này kế thừa quan điểm giáo dục học về quá trình hình thành nhân cách người học (Trần & Hoàng, 2020), đồng thời gắn với yêu cầu quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông (Nguyễn, 2021).

Quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS trung học cơ sở được hiểu là quá trình chủ thể quản lý trong nhà trường tác động có mục đích đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra - đánh giá, điều kiện bảo đảm và cơ chế phối hợp các lực lượng giáo dục nhằm làm cho hoạt động GDĐĐ diễn ra thường xuyên, đồng bộ, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi HS và điều kiện thực tiễn địa phương. Như vậy, quản lý GDĐĐ không chỉ là xử lý vi phạm đạo đức của HS, mà trước hết là quản lý một quá trình giáo dục phòng ngừa, hỗ trợ, định hướng và phát triển hành vi.

Trên cơ sở tổng quan lý thuyết và nội dung đề án, nghiên cứu sử dụng khung phân tích theo bốn nhóm thành tố: (1) thực trạng hoạt động GDĐĐ; (2) thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ; (3) các yếu tố ảnh hưởng; (4) sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Trong đó, trọng tâm của bài báo là nhóm thành tố quản lý, gồm nhận thức về tầm quan trọng của quản lý, quản lý nội dung, quản lý phương pháp, quản lý hình thức tổ chức, quản lý kiểm tra - đánh giá và quản lý điều kiện phục vụ hoạt động GDĐĐ.

Bảng 1. Khung nghiên cứu và cấu trúc biến quan sát

Nhóm nội dung	Thành tố/chỉ báo chính	Số biến quan sát	Vai trò trong nghiên cứu
Hoạt động GDĐĐ	Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phối hợp lực lượng, kiểm tra - đánh giá	34	Mô tả nền thực hiện hoạt động GDĐĐ trong nhà trường
Quản lý hoạt động GDĐĐ	Nhận thức tầm quan trọng; quản lý nội dung, phương pháp, hình thức, kiểm tra - đánh giá, điều kiện phục vụ	27	Trực phân tích chính của bài báo
Yếu tố ảnh hưởng	Chính sách, điều kiện địa phương, công nghệ số, gia đình, bạn bè, năng lực cán bộ quản lý (CBQL)/ GV, cơ sở vật chất, môi trường học đường, ý thức HS	12	Giải thích bối cảnh và nguyên nhân của kết quả quản lý
Phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội	Kế hoạch phối hợp, vai trò GV chủ nhiệm, cha mẹ HS, lực lượng xã hội, thống nhất yêu cầu giáo dục	5	Làm rõ cơ chế liên lực lượng trong quản lý GDĐĐ
Tổng cộng	Các nhóm chỉ báo được đo bằng thang Likert 5 mức	78	Cơ sở thiết kế bảng hỏi và phân tích dữ liệu

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả kết hợp định lượng và định tính. Thành phần định lượng nhằm xác định mức độ đánh giá của CBQL, GV đối với các nội dung quản lý GDĐĐ; thành phần định tính nhằm giải thích thêm những điểm có điểm trung bình (ĐTB) thấp, độ lệch chuẩn (ĐLC) cao hoặc phản ánh các vấn đề quản lý khó đo lường bằng bảng hỏi.

Mẫu khảo sát được lựa chọn theo chủ đích kết hợp thuận tiện, tập trung vào những khách thể trực tiếp tham gia quản lý, tổ chức và phối hợp hoạt động GDĐĐ tại ba trường trung học cơ sở ở phường Tân Sơn Nhì: Đặng Trần Côn, Tôn Thất Tùng và Trần Quang Khải. Cách chọn mẫu này phù hợp với mục tiêu nghiên cứu trường hợp địa phương, nhưng không nhằm khái quát hóa cho toàn bộ các trường trung học cơ sở của Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 2. Cơ cấu mẫu khảo sát

Nhóm đối tượng	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
CBQL	9	7,5	Gồm 3 hiệu trưởng, 6 phó hiệu trưởng
GV	111	92,5	Gồm tổ trưởng chuyên môn, GV chủ nhiệm và GV bộ môn
Tổng cộng	120	100,0	Khách thể trực tiếp tham gia quản lý và tổ chức hoạt động GDĐĐ

Công cụ khảo sát là bảng hỏi gồm 78 biến quan sát, được xây dựng từ khung lý thuyết, các văn bản định hướng giáo dục hiện hành và nội dung khảo sát của đề án. Quy trình xây dựng công cụ gồm: xác định các thành tố lý thuyết; cụ thể hóa thành chỉ báo quan sát; rà soát ngôn ngữ để phù hợp với CBQL, GV; mã hóa dữ liệu theo thang Likert 5 mức. Các mức được quy ước như sau: 1,00-1,80: rất thấp/không thực hiện; 1,81-2,60: thấp/ít thực hiện; 2,61-3,40: trung bình; 3,41-4,20: khá; 4,21-5,00: cao/thực hiện tốt.

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng tần suất lựa chọn ở từng mức độ, ĐTB, ĐLC và thứ hạng (TH). Tuy nhiên, do nghiên cứu không thiết kế so sánh giữa các nhóm độc lập và không có dữ liệu thô theo từng nhóm trong phạm vi bài báo, các thứ hạng chỉ được sử dụng để định hướng đọc kết quả; tác giả không suy diễn ý nghĩa thống kê đối với những chênh lệch ĐTB rất nhỏ. Việc bổ sung ĐLC và số lượng lựa chọn ở từng mức độ giúp nhận diện mức độ đồng thuận hoặc phân tán trong đánh giá của khách thể khảo sát.

Dữ liệu định tính được thu thập bằng phỏng vấn sâu 6 CBQL và 15 GV, mã hóa lần lượt từ CBQL1 đến CBQL6 và từ GV1 đến GV15. Nội dung phỏng vấn tập trung vào ba nhóm chủ đề: tổ chức hoạt động trải nghiệm và phối hợp lực lượng; kiểm tra - đánh giá đạo đức bằng minh chứng; điều kiện cơ sở vật chất, tài chính và năng lực GV. Dữ liệu phỏng vấn được sử dụng để giải thích, kiểm chứng và bổ sung cho kết quả định lượng, không thay thế cho kết quả khảo sát bằng bảng hỏi.

4. Kết quả nghiên cứu

Phần kết quả được trình bày theo từng nội dung quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS trung học cơ sở ở phường Tân Sơn Nhì. Sau mỗi bảng số liệu, bài viết không dừng ở việc mô tả điểm trung bình mà kết hợp diễn giải kết quả khảo sát với thông tin phỏng vấn sâu để làm rõ mức độ thực hiện, nguyên nhân của những điểm mạnh, hạn chế và vấn đề cần ưu tiên cải thiện. Cách trình bày này phù hợp với thiết kế nghiên cứu kết hợp định lượng và định tính đã nêu ở phần phương pháp.

4.1. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

Nhận thức của CBQL và GV là cơ sở đầu tiên để nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công lực lượng và kiểm tra việc thực hiện GDĐĐ.

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Quản lý hoạt động GDĐĐ bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và hiệu quả chương trình giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của Chương trình GDPT 2018	3	7	16	46	48	4,08	0,99	1
2	Quản lý GDĐĐ giúp nhà trường chủ động phòng ngừa, can thiệp sớm và hỗ trợ kịp thời nhằm hạn chế các hành vi lệch chuẩn của HS.	4	8	17	47	44	3,99	1,04	3
3	Quản lý hiệu quả GDĐĐ góp phần huy động sự phối hợp của gia đình, các đoàn thể và chính quyền địa phương trong quá trình giáo dục HS.	4	7	18	46	45	4,01	1,03	2

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
4	Quản lý hoạt động GDĐĐ giúp điều phối nguồn lực, đổi mới tổ chức và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.	5	9	19	45	42	3,92	1,08	4
ĐTB chung							4,00		

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy nhận thức về vai trò quản lý GDĐĐ đạt điểm trung bình chung 4,00, ở mức khá và tiệm cận mức cao. Tiêu chí được đánh giá cao nhất là quản lý GDĐĐ giúp bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và hiệu quả của chương trình giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS (ĐTB = 4,08; ĐLC = 0,99). Điều này cho thấy phần lớn CBQL và GV không xem GDĐĐ chỉ là việc nhắc nhở nề nếp hay xử lý vi phạm, mà nhìn nhận đây là một quá trình giáo dục cần được tổ chức có kế hoạch. Tuy nhiên, tiêu chí về điều phối nguồn lực, đổi mới tổ chức và ứng dụng công nghệ có ĐTB thấp hơn (3,92), phản ánh khoảng cách giữa nhận thức đúng và khả năng triển khai bằng nguồn lực, công cụ cụ thể.

Các ý kiến phỏng vấn cũng cho thấy nhà trường đã quan tâm đến GDĐĐ như một nhiệm vụ thường xuyên, gắn với Chương trình GDPT 2018 và yêu cầu xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện. Dù vậy, GV cho rằng việc theo dõi sự tiến bộ đạo đức của từng HS còn phụ thuộc nhiều vào GV chủ nhiệm; trong khi thời khóa biểu, hồ sơ chuyên môn và các hoạt động phong trào khiến việc phối hợp giữa các lực lượng chưa thật đều. Như vậy, điểm mạnh của nội dung này là nhận thức khá thống nhất, còn điểm cần cải thiện là chuyển nhận thức đó thành cơ chế quản lý cụ thể hơn.

4.1.2. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

Quản lý nội dung GDĐĐ thể hiện ở việc lựa chọn các chuẩn mực, phẩm chất và chủ đề giáo dục phù hợp với lứa tuổi trung học cơ sở, điều kiện địa phương và những vấn đề mới phát sinh trong đời sống HS.

Bảng 4. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý thực hiện nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Nội dung GDĐĐ bao quát các phẩm chất chủ đạo như yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ, tôn trọng kỷ luật và lối sống lành mạnh	4	8	17	48	43	3,98	1,03	1
2	Nội dung GDĐĐ gắn với các vấn đề thời sự như an toàn mạng, phòng chống bạo lực học đường, bảo vệ môi trường và ứng xử văn minh trên không gian số	5	10	19	47	39	3,88	1,08	3
3	Bảo đảm sự định hướng thống nhất giữa các tổ chuyên môn, GV chủ nhiệm và Tổng phụ	7	12	21	44	36	3,75	1,16	5

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
	trách Đội nhằm tránh chồng chéo, hình thức trong GDĐĐ								
4	Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung nội dung GDĐĐ phù hợp thực tiễn, điều kiện địa phương và đặc điểm của từng nhóm HS	5	9	18	46	42	3,92	1,08	2
5	Cập nhật tài liệu và xây dựng các chuyên đề GDĐĐ theo năm học và từng giai đoạn triển khai	6	11	20	45	38	3,82	1,13	4
ĐTB chung							3,87		

Bảng 4 cho thấy quản lý nội dung GDĐĐ đạt ĐTB chung 3,87, thuộc mức khá. Tiêu chí nội dung bao quát các phẩm chất chủ đạo như yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ, tôn trọng kỷ luật và lối sống lành mạnh đạt cao nhất (ĐTB = 3,98). Kết quả này phù hợp với định hướng của Chương trình GDPT 2018, trong đó giáo dục phẩm chất được xem là yêu cầu xuyên suốt. Ngược lại, tiêu chí bảo đảm sự định hướng thống nhất giữa tổ chuyên môn, GV chủ nhiệm và Tổng phụ trách Đội chỉ đạt 3,75, với ĐLC 1,16. Đây là dấu hiệu cho thấy việc phối hợp nội bộ trong lựa chọn và triển khai nội dung GDĐĐ chưa thật đồng đều giữa các lực lượng.

Qua phỏng vấn, nhiều GV cho biết nội dung GDĐĐ đã được lồng ghép trong sinh hoạt lớp, hoạt động Đội, các môn học và chuyên đề theo chủ điểm năm học. Tuy nhiên, những nội dung gần với đời sống đô thị như an toàn mạng, kiểm soát cảm xúc, phòng chống bạo lực học đường và ứng xử văn minh trên không gian số vẫn phụ thuộc khá nhiều vào sự chủ động của từng GV hoặc từng tổ chuyên môn. Vì vậy, nhà trường cần xây dựng ma trận nội dung GDĐĐ theo tháng hoặc theo chủ điểm, xác định rõ nội dung nào do tổ chuyên môn thực hiện, nội dung nào do GV chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội hoặc lực lượng phối hợp phụ trách. Cách làm này giúp hạn chế tình trạng trùng lặp, bỏ sót hoặc triển khai mang tính hình thức.

4.1.3. Thực trạng quản lý thực hiện phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

Quản lý phương pháp GDĐĐ tập trung vào việc chỉ đạo, hỗ trợ và kiểm tra cách GV sử dụng các phương pháp giáo dục phù hợp với mục tiêu, nội dung và đặc điểm tâm lý HS trung học cơ sở.

Bảng 5. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý thực hiện phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Quản lý phương pháp GDĐĐ bao gồm lựa chọn, chỉ đạo và kiểm tra việc vận dụng phương pháp phù hợp mục tiêu, nội dung và đặc điểm tâm lý HS trung học cơ sở	5	9	18	47	41	3,92	1,08	2
2	Định hướng GV áp dụng phương pháp giáo dục hiện đại, lấy HS	6	10	20	45	39	3,84	1,12	4

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
	làm trung tâm, khuyến khích trải nghiệm, tự đánh giá và rèn luyện hành vi								
3	Nhà quản lý xây dựng cơ chế mở, khuyến khích GV chủ động lựa chọn phương pháp phù hợp với từng thời điểm và từng nhóm HS	5	9	19	46	41	3,91	1,08	3
4	Kết hợp nâng cao năng lực GV với điều phối thống nhất việc vận dụng phương pháp giữa các môn học và giữa GV bộ môn, GV chủ nhiệm	4	8	18	47	43	3,98	1,04	1
ĐTB chung							3,91		

Theo Bảng 5, quản lý phương pháp GDĐĐ đạt ĐTB chung 3,91, cao hơn quản lý nội dung và hình thức tổ chức. Tiêu chí kết hợp nâng cao năng lực GV với điều phối thống nhất việc vận dụng phương pháp giữa các môn học và giữa GV bộ môn, GV chủ nhiệm đạt cao nhất (ĐTB = 3,98). Điều này cho thấy các trường đã chú ý vai trò của đội ngũ GV trong việc chuyển hóa nội dung GDĐĐ thành hoạt động sư phạm cụ thể. Tuy nhiên, tiêu chí định hướng GV áp dụng phương pháp giáo dục hiện đại, lấy HS làm trung tâm, khuyến khích trải nghiệm, tự đánh giá và rèn luyện hành vi chỉ đạt 3,84. Kết quả này cho thấy việc đổi mới phương pháp tuy đã được quan tâm nhưng chưa diễn ra thật đồng đều.

Kết quả phỏng vấn cho thấy GV thường sử dụng các phương pháp quen thuộc như nêu gương, đàm thoại, nhắc nhở, xử lý tình huống và lồng ghép trong môn học. Các phương pháp có tính trải nghiệm hơn như dự án nhỏ, đóng vai, nhật ký tự rèn luyện, thảo luận tình huống đạo đức trên không gian số hoặc phản tư sau hoạt động vẫn chưa được triển khai thường xuyên. Một số GV cho rằng nếu có ngân hàng tình huống, phiếu tự đánh giá và hướng dẫn ngắn gọn thì việc đổi mới phương pháp sẽ thuận lợi hơn. Do đó, quản lý phương pháp cần đi kèm hỗ trợ chuyên môn cụ thể, thay vì chỉ dừng ở yêu cầu chung là “đổi mới”.

4.1.4. Thực trạng quản lý các hình thức tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

Hình thức tổ chức là con đường đưa nội dung GDĐĐ đến với HS thông qua giờ học, sinh hoạt lớp, hoạt động Đội, chuyên đề, câu lạc bộ, trải nghiệm và các hoạt động gắn với cộng đồng.

Bảng 6. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý các hình thức tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Triển khai đồng bộ các hình thức GDĐĐ trong giờ học chính khóa, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp - Đội, chuyên đề, câu lạc bộ và hoạt động phong trào	5	9	19	46	41	3,91	1,08	2

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
2	Lựa chọn hình thức GDĐĐ phù hợp với mục tiêu và chủ đề giáo dục theo từng thời điểm trong năm học	4	8	17	48	43	3,98	1,03	1
3	Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và không gian hoạt động nhằm hỗ trợ thực hiện hiệu quả các hình thức GDĐĐ	7	12	20	45	36	3,76	1,15	4
4	Phối hợp với CMHS, địa phương và tổ chức xã hội để tổ chức hoạt động ngoại khóa, tham quan, trải nghiệm thực tế cho HS	6	11	21	44	38	3,81	1,13	3
ĐTB chung							3,87		

Bảng 6 cho thấy quản lý hình thức tổ chức GDĐĐ đạt ĐTB chung 3,87. Tiêu chí lựa chọn hình thức phù hợp với mục tiêu và chủ đề giáo dục theo từng thời điểm trong năm học đạt cao nhất (ĐTB = 3,98). Kết quả này cho thấy các trường đã có sự chủ động nhất định trong tổ chức hoạt động theo chủ đề. Tuy nhiên, tiêu chí bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và không gian hoạt động chỉ đạt 3,76; tiêu chí phối hợp với CMHS, địa phương và tổ chức xã hội để tổ chức hoạt động ngoại khóa, tham quan, trải nghiệm thực tế đạt 3,81. Như vậy, khó khăn chủ yếu không nằm ở việc nhận thức được hình thức nào cần tổ chức, mà ở điều kiện để tổ chức thường xuyên và có chiều sâu.

Các ý kiến phỏng vấn cho thấy sinh hoạt lớp, hoạt động Đội và chuyên đề trong khuôn viên trường được triển khai tương đối thuận lợi. Trái lại, hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường hoặc dự án cộng đồng thường gặp vướng mắc về kinh phí, thời gian, thủ tục an toàn và sự đồng thuận của phụ huynh. Một số GV cũng cho rằng HS hứng thú hơn khi được tham gia những việc làm cụ thể như sân khấu hóa tình huống, hoạt động thiện nguyện nhỏ, bảo vệ môi trường hoặc xây dựng sản phẩm truyền thông về văn hóa ứng xử. Vì vậy, việc quản lý hình thức GDĐĐ nên chuyển từ tổ chức theo sự kiện đơn lẻ sang các chuỗi hoạt động nhỏ, vừa sức, có mục tiêu rõ và có minh chứng đánh giá sau mỗi hoạt động.

4.1.5. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở cho học sinh trung học cơ sở

Kiểm tra, đánh giá là khâu giúp nhà trường theo dõi mức độ chuyển biến của HS và điều chỉnh hoạt động GDĐĐ. Kết quả khảo sát cho thấy đây là nội dung đã được quan tâm nhưng vẫn còn nhiều điểm cần hoàn thiện.

Bảng 7. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất đạo đức theo yêu cầu Chương trình GDPT 2018, bao gồm hành vi, thái độ, trách nhiệm, kỷ luật và khả năng hợp tác	6	10	19	46	39	3,85	1,12	3

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
2	Thực hiện đánh giá bằng nhiều phương pháp như quan sát, nhận xét GV, phản hồi bạn bè, đánh giá CMHS và tự đánh giá của HS	7	11	21	45	36	3,77	1,15	5
3	Quản lý hoạt động đánh giá bảo đảm tính khách quan, minh bạch và công bằng, hạn chế tình trạng đánh giá hình thức	5	9	18	47	41	3,92	1,08	1
4	Chỉ đạo GV theo dõi, báo cáo sự tiến bộ của HS theo giai đoạn và kịp thời hỗ trợ HS gặp khó khăn	5	10	19	46	40	3,88	1,09	2
5	Kết hợp đánh giá GDĐĐ với tư vấn tâm lý và phối hợp CMHS nhằm bảo đảm hỗ trợ HS liên tục	6	11	20	45	38	3,82	1,13	4
ĐTB chung							3,85		

Kết quả Bảng 7 cho thấy quản lý kiểm tra, đánh giá GDĐĐ đạt ĐTB chung 3,85. Tiêu chí bảo đảm tính khách quan, minh bạch và công bằng đạt cao nhất (ĐTB = 3,92), cho thấy nhà trường đã chú ý hạn chế đánh giá cảm tính hoặc thiếu nhất quán. Tuy nhiên, tiêu chí đánh giá bằng nhiều phương pháp như quan sát, nhận xét của GV, phản hồi bạn bè, đánh giá của CMHS và tự đánh giá của HS đạt thấp nhất trong nhóm (ĐTB = 3,77; ĐLC = 1,15). Kết quả này phản ánh việc sử dụng minh chứng đa chiều và theo dõi sự tiến bộ của HS theo quá trình vẫn chưa trở thành nền nếp ổn định.

Qua phỏng vấn, GV cho biết việc đánh giá đạo đức hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào nhận xét của GV chủ nhiệm, hồ sơ thi đua, biên bản vi phạm hoặc trao đổi với phụ huynh khi có tình huống phát sinh. Những công cụ như phiếu tự đánh giá, nhật ký rèn luyện, phản hồi của bạn học hoặc hồ sơ minh chứng quá trình chưa được sử dụng thường xuyên. Đây cũng là lý do một số nhận xét về phẩm chất HS còn chung chung, khó chỉ ra HS đã tiến bộ ở điểm nào và cần điều chỉnh hành vi nào. Vì vậy, đổi mới kiểm tra, đánh giá GDĐĐ cần bắt đầu từ bộ tiêu chí ngắn gọn, dễ quan sát, gắn với hành vi cụ thể; đồng thời kết hợp công cụ số để GV ghi nhận tiến bộ của HS theo từng giai đoạn.

4.1.6. Thực trạng quản lý các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

Điều kiện phục vụ gồm cơ sở vật chất, đội ngũ, tài chính, môi trường văn hóa học đường và cơ chế phối hợp. Đây là nền tảng bảo đảm để GDĐĐ không chỉ được triển khai theo từng đợt mà có thể duy trì thường xuyên, bền vững.

Bảng 8. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Công tác quản lý chú trọng bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hiệu quả hoạt động GDĐĐ trong nhà trường	7	11	20	45	37	3,78	1,15	4

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
2	Quản lý điều kiện phục vụ tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ GV - lực lượng nòng cốt trong GDĐĐ cho HS	5	9	18	47	41	3,92	1,08	1
3	Quản lý tài chính bảo đảm phân bổ ngân sách hợp lý cho hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống, ngoại khóa, bồi dưỡng GV và mua sắm thiết bị	8	12	22	43	35	3,71	1,18	5
4	Xây dựng môi trường văn hóa học đường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho GDĐĐ cho HS	5	9	19	46	41	3,91	1,08	2
5	Chú trọng phối hợp đồng bộ các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐ	6	10	18	46	40	3,87	1,12	3
ĐTB chung							3,84		

Bảng 8 cho thấy nhóm điều kiện phục vụ đạt ĐTB chung 3,84, thấp nhất trong các nội dung quản lý được khảo sát. Trong nhóm này, tiêu chí phát triển đội ngũ GV đạt cao nhất (ĐTB = 3,92), kế đến là xây dựng môi trường văn hóa học đường lành mạnh, thân thiện, an toàn (ĐTB = 3,91). Ngược lại, quản lý tài chính để bảo đảm kinh phí cho hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống, ngoại khóa, bồi dưỡng GV và mua sắm thiết bị chỉ đạt 3,71; công tác bảo đảm cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt 3,78. Các số liệu này cho thấy điều kiện phục vụ đang là điểm nghẽn trực tiếp ảnh hưởng đến việc đa dạng hóa hình thức GDĐĐ, nhất là các hoạt động trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống.

Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy các trường đã cố gắng khai thác phòng truyền thống, thư viện, thiết bị trình chiếu, không gian sinh hoạt chung và nguồn lực xã hội hóa trong khả năng cho phép. Tuy nhiên, kinh phí dành riêng cho GDĐĐ chưa ổn định; một số GV còn thiếu học liệu, thiết bị và không gian linh hoạt để tổ chức hoạt động nhóm, đóng vai hoặc chia sẻ cảm xúc. Vì vậy, quản lý điều kiện phục vụ cần gắn với kế hoạch ngân sách cụ thể, xã hội hóa phù hợp, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động cho GV và xây dựng kho học liệu dùng chung cho các chủ đề GDĐĐ.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài các nội dung quản lý trong nhà trường, hoạt động GDĐĐ còn chịu tác động từ gia đình, môi trường địa phương, công nghệ số, năng lực đội ngũ và ý thức tự rèn luyện của HS.

Bảng 9. Một số yếu tố ảnh hưởng nổi bật đến quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Công nghệ số, mạng xã hội, Internet mang lại cả cơ hội và thách thức cho việc GDĐĐ.	3	7	16	46	48	4,08	0,99	1

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
2	Phong cách sống, cách ứng xử, sự quan tâm, điều kiện kinh tế và trình độ học vấn của CMHS ảnh hưởng sâu sắc đến thái độ, hành vi của HS.	4	7	17	47	45	4,02	1,02	2
3	Ý thức học tập, khả năng tự điều chỉnh hành vi, tính tự giác và động cơ rèn luyện của HS là yếu tố chủ quan quan trọng.	4	8	17	46	45	4,00	1,04	3
4	Điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương ảnh hưởng mạnh đến đạo đức và lối sống của HS.	4	8	17	47	44	3,99	1,04	4
5	Năng lực lãnh đạo, tầm nhìn, khả năng điều hành và phối hợp lực lượng của hiệu trưởng có vai trò quyết định.	4	8	18	47	43	3,98	1,04	5
6	Môi trường học đường dân chủ, thân thiện, tích cực và nhân văn tạo điều kiện thuận lợi cho HS rèn luyện đạo đức.	4	8	18	46	44	3,98	1,04	5

Bảng 9 cho thấy công nghệ số, mạng xã hội và Internet là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến quản lý GDĐĐ (ĐTB = 4,08). Kết quả này phù hợp với đặc điểm đô thị của phường Tân Sơn Nhì, nơi HS tiếp cận nhanh với điện thoại thông minh, video ngắn, trò chơi trực tuyến và các nền tảng tương tác xã hội. Bên cạnh đó, yếu tố gia đình (ĐTB = 4,02), ý thức tự điều chỉnh của HS (ĐTB = 4,00) và điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội địa phương (ĐTB = 3,99) cũng được đánh giá ở mức khá cao. Điều này cho thấy GDĐĐ là quá trình chịu tác động đa chiều, không thể chỉ quản lý trong phạm vi lớp học hoặc khuôn viên trường.

Các ý kiến phỏng vấn đặc biệt nhấn mạnh những biểu hiện lệch chuẩn phát sinh từ môi trường số như ngôn ngữ thiếu chuẩn mực, mâu thuẫn trên mạng, bắt nạt trực tuyến, tiếp nhận thông tin thiếu chọn lọc hoặc bắt chước các trào lưu không phù hợp. Do đó, quản lý GDĐĐ trong bối cảnh hiện nay cần bổ sung mạnh hơn nội dung công dân số, kỹ năng tự kiểm soát cảm xúc, kỹ năng ứng xử văn minh trên không gian mạng và cơ chế phối hợp nhanh giữa GV chủ nhiệm, phụ huynh và nhà trường khi có tình huống phát sinh.

4.3. Phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh

Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội có ý nghĩa quan trọng vì hành vi đạo đức của HS được hình thành trong nhiều môi trường: lớp học, gia đình, nhóm bạn, cộng đồng và không gian số.

Bảng 10. Phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở

STT	Tiêu chí	M1	M2	M3	M4	M5	ĐTB	ĐLC	TH
1	Nhà trường chủ động xây dựng	4	8	18	46	44	3,98	1,05	3

	kế hoạch phối hợp với gia đình và các lực lượng xã hội trong GDĐĐ cho HS								
2	GV chủ nhiệm giữ vai trò cầu nối thường xuyên giữa nhà trường và CMHS trong việc theo dõi, nhắc nhở, uốn nắn hành vi đạo đức của HS	3	7	16	48	46	4,06	0,99	1
3	CMHS quan tâm, phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục ý thức học tập, nề nếp, thái độ và hành vi ứng xử của HS	5	10	20	46	39	3,87	1,09	5
4	Các lực lượng xã hội như Đoàn Thanh niên, Công an phường, y tế, hội khuyến học, khu phố phối hợp với nhà trường trong GDĐĐ, pháp luật và kỹ năng sống cho HS	4	9	18	47	42	3,95	1,05	4
5	Nhà trường và gia đình có sự thống nhất trong yêu cầu giáo dục, phương pháp nhắc nhở, động viên và xử lý các biểu hiện lệch chuẩn đạo đức của HS	4	8	16	47	45	4,01	1,04	2
ĐTB chung							3,97		

Bảng 10 cho thấy phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội đạt ĐTB chung 3,97. Trong đó, GV chủ nhiệm được đánh giá là cầu nối thường xuyên giữa nhà trường và CMHS, với ĐTB cao nhất (4,06). Điều này phù hợp với thực tế vì GV chủ nhiệm là người theo dõi sát nề nếp, tâm lý và các biểu hiện thay đổi của HS. Tiêu chí nhà trường và gia đình có sự thống nhất trong yêu cầu giáo dục, phương pháp nhắc nhở, động viên và xử lý biểu hiện lệch chuẩn đạt 4,01, cho thấy sự phối hợp đã có nền tảng tích cực. Tuy nhiên, tiêu chí CMHS quan tâm, phối hợp với nhà trường chỉ đạt 3,87, thấp nhất trong nhóm, phản ánh mức độ đồng hành của phụ huynh chưa thật đồng đều.

Qua phỏng vấn, GV cho biết có phụ huynh phối hợp rất tích cực, phản hồi nhanh và thống nhất với nhà trường trong giáo dục con. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp phụ huynh bận rộn, ít theo sát con hoặc có xu hướng bao biện khi HS vi phạm. Các lực lượng xã hội như Đoàn Thanh niên, Công an phường, y tế, hội khuyến học và khu phố đã tham gia một số chuyên đề về pháp luật, kỹ năng sống, an toàn học đường, nhưng sự phối hợp này cần được duy trì thường xuyên hơn. Vì vậy, nhà trường cần có kênh liên lạc định kỳ, quy định rõ vai trò từng lực lượng và thống nhất quy trình xử lý các tình huống đạo đức của HS.

4.4. Đánh giá chung

Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS trung học cơ sở ở phường Tân Sơn Nhì được đánh giá ở mức khá. Điểm nổi bật là CBQL và GV có nhận thức tương đối thống nhất về vai trò của GDĐĐ; nhận thức về tầm quan trọng của quản lý đạt ĐTB 4,00. Tuy nhiên, các nội dung gắn với triển khai thực tế có điểm số thấp hơn, như quản lý nội dung và hình thức tổ chức cùng đạt 3,87, quản lý kiểm tra - đánh giá đạt 3,85 và quản lý điều kiện phục

vụ đạt 3,84. Kết quả này cho thấy hạn chế chính không nằm ở việc nhà trường có quan tâm đến GDĐĐ hay không, mà nằm ở cách tổ chức, theo dõi và bảo đảm điều kiện thực hiện.

Các điểm nghẽn thể hiện rõ ở một số tiêu chí có ĐTB thấp và DLC cao: sự thống nhất giữa tổ chuyên môn, GV chủ nhiệm và Tổng phụ trách Đội trong quản lý nội dung (ĐTB = 3,75; DLC = 1,16); bảo đảm cơ sở vật chất và không gian hoạt động (ĐTB = 3,76); đánh giá bằng nhiều nguồn minh chứng (ĐTB = 3,77; DLC = 1,15); phân bổ tài chính cho hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống, ngoại khóa, bồi dưỡng GV và mua sắm thiết bị (ĐTB = 3,71; DLC = 1,18). Những kết quả này cho thấy quản lý GDĐĐ cần chuyển từ cách làm theo phong trào hoặc xử lý theo sự vụ sang quản lý theo quá trình, có tiêu chí, có minh chứng và có phản hồi thường xuyên.

Kết quả nghiên cứu có điểm tương đồng với các công trình trước về quản lý GDĐĐ cho HS trung học cơ sở ở vai trò trung tâm của nhà trường và GV chủ nhiệm, yêu cầu phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội, cũng như khó khăn trong kiểm tra - đánh giá và huy động nguồn lực (Lê, 2024; Phan & Đình, 2024; Trương, 2024). Điểm cần chú ý trong bối cảnh phường Tân Sơn Nhì là tác động mạnh của công nghệ số và mạng xã hội (ĐTB = 4,08). Điều này đòi hỏi nhà trường mở rộng nội dung GDĐĐ sang giáo dục công dân số, năng lực tự điều chỉnh hành vi và văn hóa ứng xử trên không gian mạng.

Từ các kết quả trên, bài viết gợi ra ba định hướng quản lý. Thứ nhất, cần chuẩn hóa bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất đạo đức theo hướng ngắn gọn, có minh chứng và có thể theo dõi quá trình tiến bộ của HS. Thứ hai, cần làm rõ cơ chế phối hợp giữa GV chủ nhiệm, GV bộ môn, tổ chuyên môn, Tổng phụ trách Đội, CMHS và lực lượng địa phương, tránh đổ trách nhiệm GDĐĐ dồn chủ yếu vào một lực lượng. Thứ ba, cần ưu tiên các hoạt động trải nghiệm gắn với cộng đồng và giáo dục văn hóa ứng xử trên không gian số, bởi đây là hai nội dung phản ánh rõ đặc thù đô thị của địa bàn nghiên cứu.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường trung học cơ sở phường Tân Sơn Nhì nhìn chung đạt mức khá. CBQL và GV đã nhận thức rõ vai trò của GDĐĐ trong việc hình thành phẩm chất, nhân cách và hành vi ứng xử của HS; đồng thời các trường đã triển khai nội dung này thông qua dạy học, sinh hoạt lớp, hoạt động Đội, chuyên đề và phối hợp với gia đình, địa phương.

Tuy nhiên, hiệu quả quản lý GDĐĐ vẫn còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện triển khai. Những hạn chế nổi bật là đánh giá đạo đức chưa dựa thường xuyên vào minh chứng đa chiều, hoạt động trải nghiệm gắn với cộng đồng chưa ổn định, nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất còn hạn chế, sự phối hợp với một bộ phận CMHS chưa thật chặt chẽ. Trong bối cảnh HS chịu tác động mạnh từ công nghệ số và môi trường đô thị, các trường cần quản lý GDĐĐ theo quá trình: có tiêu chí rõ, có dữ liệu theo dõi, có phản hồi định kỳ và có sự phối hợp cụ thể giữa nhà trường, gia đình, địa phương.

Từ phạm vi nghiên cứu hiện nay, có thể tiếp tục mở rộng khảo sát đối với HS, CMHS và các lực lượng xã hội liên quan để đánh giá đầy đủ hơn tác động của từng nhóm chủ thể. Các nghiên cứu tiếp theo cũng nên bổ sung kiểm định thống kê nhằm làm rõ mối quan hệ giữa điều kiện quản lý, yếu tố ảnh hưởng và kết quả rèn luyện đạo đức của HS.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

- Bộ Chính trị. (2024). *Kết luận số 91-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.
- Lê, K. K. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 265-275. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1385>
- Mesurado, B., & Resett, S. (2025). “Little Hero”, a web-based intervention to promote moral values among children: A study of its development and effectiveness. *Journal of Moral Education*, 54(4), 603-631. <https://doi.org/10.1080/03057240.2025.2458346>
- Ministry of Education Singapore. (2021). *Character and citizenship education syllabus: Secondary - Implementation starting from 2021*. Student Development Curriculum Division.
- Nguyễn, Đ. C. (2021). *Quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phan, N. T., & Đinh, V. T. (2024). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(4), 3-9. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1255>
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019*.
- Tang, L., & Dai, Y. (2024). A study of a moral dilemma stories teaching model focusing on the development of higher-order thinking: “Synthetic polymers” as an example. *Journal of Educational Technology and Innovation*, 6(1), 27-35. <https://doi.org/10.61414/jeti.v6i1.173>
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2021 phê duyệt Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030”*.
- Trần, X. B., & Hoàng, T. H. (Chủ biên). (2020). *Giáo trình Giáo dục học*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- Trương, T. V. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(01S), 311-322. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1324>